TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/LĐ-PT
Ngày: 17/10/2019
V/v tranh chấp do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đắc Cường.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhàn;

Ông Nguyễn Công Lực.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 13/2019/TLPT-LĐ ngày 27/9/2019 về việc *"tranh chấp do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động"*.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 02/2019/LĐ-ST ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã TA, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2019/QĐXXPT-LĐ ngày 02/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bành Thiện Q, sinh năm 1953; thường trú: Đường Nguyễn Phương Danh, phường VB, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Đường Nguyễn Hữu Cảnh, khu phố BP, phường BN, thị xã TA, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*: Ông Nguyễn Ngọc H là Luật sư của Văn phòng Luật sư DMN, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Vina HL; địa chỉ: Đường số 1, khu Công nghiệp ĐA, khu phố ĐA, phường BH, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Hoàng Tân V, sinh năm 1976; thường trú: Khu phố ĐA, phường TĐH, thị xã DA, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Nguyễn Tri Phương, khu phố BM, phường DA, thị xã DA, tỉnh Bình Dương (theo Văn bản ủy quyền ngày 22/4/2019); có mặt.

3. Người kháng cáo: Ông Bành Thiện Q, sinh năm 1953; thường trú: Đường Nguyễn Phương Danh, phường VB, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Đường

Nguyễn Hữu Cảnh, khu phố BP, phường BN, thị xã TA, tỉnh Bình Dương là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Bành Thiện Q (sau đây gọi tắt là ông Q) trình bày:* Ông Q được Công ty TNHH Vina HL (sau đây gọi tắt là Công ty) nhận vào làm việc tháng 7 năm 1998, công việc là Quản lý nhân sự kiêm Tổng vụ. Đến năm 2004, ông Q được bầu vào Ban chấp hành Công đoàn Công ty HL với cương vị Chủ tịch Công đoàn cho đến nay được 03 nhiệm kỳ. Công việc là Quản lý nhân sự kiêm Tổng vụ, kiêm Chủ tịch Công đoàn. Mức lương thực lãnh là hơn 7.000.000 đồng/tháng. Lương theo Phụ lục Hợp đồng ngày 02/01/2017 là 6.532.500 đồng/tháng. Quá trình thực hiện công việc, ông Q luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Do khi Công ty yêu cầu ông Q ký vào thang bảng lương của Công ty, trong đó có nội dung *"05 năm nâng lương 01 lần"* nên ông Q không đồng ý ký. Đến ngày 31/01/2018, Ban Giám đốc Công ty mời ông Q lên và thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với ông Q vì lý do *"hết tuổi lao động"* và thời gian báo trước là 45 ngày. Ngày 02/02/2018, ông Q nhận được Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động. Ông Q cho rằng: Việc Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông Q là không đúng nên khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Vina HL phải trả cho ông Q những khoản sau:

- Trả đủ tiền lương những ngày ông Q không được làm việc, cộng với ít nhất 02 tháng lương, tạm tính từ ngày 15/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 15/7/2019 là 16 tháng cộng thêm 02 tháng tiền lương là 18 tháng x 6.532.500 đồng/tháng = 117.585.000 đồng.

- Trả tiền tương ứng với mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong thời gian trên, cụ thể: 6.532.500 đồng/tháng x 20,5% x 16 tháng = 21.426.600 đồng.

- Thanh toán tiền lương thời gian rút ngắn mỗi ngày 01 giờ từ năm 2013 đến năm 2017 (Do ông Q là người cao tuổi) là 36.555.168 đồng.

- Thanh toán tiền lương thời gian rút ngắn mỗi ngày 01 giờ của tháng 01 và tháng 02 năm 2018 (Do ông Q là người cao tuổi), cụ thể: 6.532.500 đồng/26 ngày/8 x 26 giờ x 02 tháng = 1.633.125 đồng.

- Thanh toán phụ cấp lương Chủ tịch Công đoàn đến hết nhiệm kỳ tháng 9 năm 2022 là 57 tháng x 4.528.600 đồng/tháng x 0.25 = 60.685.962 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Q yêu cầu Công ty phải trả thêm tiền rút ngắn thời gian làm việc đối với người lao động cao tuổi của nửa tháng 3 năm 2018 là 408.281 đồng và bồi thường tiền do vi phạm thời gian báo trước 02 ngày: 6.532.500 đồng/26 ngày x 02 ngày = 502.500 đồng.

Tổng cộng là 141.555.506 đồng. Đồng thời, ông Q đồng ý chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty, tự nguyện rút yêu cầu nhận trở lại làm việc và yêu cầu thanh toán tiền lương thời gian rút ngắn mỗi ngày 01 giờ do ông là người cao tuổi, tính từ năm 2013 đến năm 2017 và tiền phụ cấp lương Công đoàn đến hết nhiệm kỳ tháng 9 năm 2022.

** Tại Bản tự khai ngày 22/4/2019 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày*: Thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về

thời gian làm việc, chức vụ đảm nhiệm, mức lương theo hợp đồng và thời gian Công ty cho ông Q thôi việc.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Vina HL đồng ý trả tiền người cao tuổi mỗi ngày rút ngắn 01 giờ đồng hồ làm việc của tháng 01 và tháng 02 năm 2018 thành tiền 1.633.125 đồng; đồng ý trả thêm tiền rút ngắn thời gian làm việc của nửa tháng 3 năm 2018 là 408.281 đồng; đồng ý thanh toán tiền do vi phạm thời hạn báo trước 02 ngày là 502.500 đồng.

Đối với yêu cầu trả đủ tiền lương những ngày ông Q không được làm việc, cộng với ít nhất 02 tháng lương là 117.585.000 đồng; trả tiền tương ứng với mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong thời gian 16 tháng là 21.426.600 đồng, Công ty không đồng ý.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 02/2019/LĐ-ST ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã TA, tỉnh Bình Dương đã áp dụng điểm a khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 38, khoản 5 Điều 42, Điều 166, Điều 187, khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Lao động; khoản 10 Điều 3 Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu nhận trở lại làm việc, yêu cầu thanh toán tiền lương thời gian rút ngắn mỗi ngày 01 giờ do ông Bành Thiện Q là người cao tuổi tính từ năm 2013 đến năm 2017 và tiền phụ cấp lương Công đoàn đến hết nhiệm kỳ tháng 9 năm 2022 của nguyên đơn ông Bành Thiện Q đối với bị đơn Công ty TNHH Vina HL.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bành Thiện Q đối với bị đơn Công ty TNHH Vina HL về việc trả tiền lương 02 ngày do vi phạm thời hạn báo trước và thanh toán tiền lương thời gian rút ngắn mỗi ngày 01 giờ do ông Bành Thiện Q là người cao tuổi của tháng 01 và tháng 02 năm 2018.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bành Thiện Q về việc yêu cầu bị đơn Công ty TNHH Vina HL phải trả tiền lương những ngày ông Q không được làm việc cộng với ít nhất 02 tháng lương, tạm tính từ ngày 15/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 15/7/2019 cộng thêm 02 tháng tiền lương; trả tiền tương ứng với mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong thời gian ông Q không được làm việc.

4. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa Công ty TNHH Vina HL và ông Bành Thiện Q về việc thanh toán tiền rút ngắn thời gian làm việc do ông Q là người lao động cao tuổi đối với nửa tháng 3 năm 2018 là 408.281 đồng (bốn trăm lẻ tám nghìn hai trăm tám mươi mốt đồng).

5. Buộc Công ty TNHH Vina HL bồi thường cho ông Bành Thiện Q số tiền do vi phạm thời gian báo trước là 02 ngày là 502.500 đồng (Năm trăm lẻ hai nghìn năm trăm đồng) và tiền lương mỗi ngày ít nhất 01 giờ đối với người lao động cao tuổi của tháng 01 và tháng 02 năm 2018 là 1.633.125 đồng (Một triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn một trăm hai mươi lăm đồng), thành tiền là 2.135.625 đồng (Hai triệu một trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng).

Tổng cộng Công ty TNHH Vina HL trả cho ông Bành Thiện Q số tiền 2.543.906 đồng (Hai triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm lẻ sáu đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng còn chịu tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí lao động sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 26/7/2019, nguyên đơn ông Bành Thiện Q có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Q, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bành Thiện Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q; hai bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Hành vi chấm dứt hợp đồng lao động của bị đơn đối với nguyên đơn là hành vi trù dập, do nguyên đơn không đồng ý ký vào quy chế 05 năm nâng lương một lần. Bộ luật Lao động không có quy định nào cho phép người sử dụng lao động chấm dứt hợp đồng lao động khi người lao động hết tuổi lao động; ông Q là Chủ tịch Công đoàn nên theo quy định của Luật Công đoàn thì khi hết hạn hợp đồng, hai bên phải tiến hành gia hạn hợp đồng cho đến hết nhiệm kỳ; đồng thời, trước khi chấm dứt hợp đồng lao động người sử dụng lao động phải có văn bản thỏa thuận với Ban chấp hành Công đoàn cơ sở; thời điểm bị đơn chấm dứt hợp đồng lao động, nguyên đơn chưa đủ điều kiện để hưởng chế độ hưu trí do thiếu tháng. Việc bị đơn chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn là trái pháp luật, vi phạm thời gian báo trước. Bản án sơ thẩm xét xử là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, nhận thấy: Ngày 04/5/2015, hai bên đương sự thống nhất ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 167 của Bộ luật Lao động. Việc bị đơn chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn là trái pháp luật, vi phạm thời gian báo trước nên bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường. Do vậy, kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q về việc buộc Công ty phải trả tiền lương những ngày ông Q không được làm việc tính từ ngày 15/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 15/7/2019, cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động; trả tiền tương ứng với mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong thời gian ông Q không được làm việc

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến tranh tụng của các đương sự, ý kiến của Luật sư và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án lao động về việc "*Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TA theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 15/7/2019, Tòa án nhân dân thị xã TA đưa vụ án ra xét xử theo Bản án số 02/2019/LĐ-ST ngày 15/7/2019; ngày 26/7/2019, nguyên đơn ông Bành Thiện Q làm đơn kháng cáo là còn trong thời hạn luật định và hợp lệ.

[2] Về nội dung: Hai bên đương sự đều thống nhất thừa nhận ông Q vào làm việc tại Công ty TNHH Vina HL (sau đây gọi tắt là Công ty) tháng 7 năm 1998, chức vụ là Quản lý nhân sự kiêm Tổng vụ. Năm 2004, ông Q được bầu vào Ban chấp hành Công đoàn với cương vị Chủ tịch Công đoàn cho đến nay. Mức lương thực lãnh là hơn 7.000.000 đồng/tháng. Lương theo Phụ lục Hợp đồng ngày 02/01/2017 là 6.532.500 đồng/tháng. Ngày 31/01/2018, Ban Giám đốc Công ty mời ông Q lên thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với ông Q kể từ ngày 15/3/2018 vì lý do *"hết tuổi lao động"*. Ngày 02/02/2018, Công ty giao cho ông Q Quyết định số 01/2018/QĐ-HSL ngày 31/01/2018 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông Q nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Ông Q cho rằng Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông Q là không đúng quy định của pháp luật nên đến ngày 22/02/2019, ông Q khởi kiện yêu cầu Công ty phải bồi thường các khoản theo như nội dung đơn kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Lao động.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Bành Thiện Q, nhận thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Q tự nguyện đồng ý chấm dứt hợp đồng lao động và rút lại yêu cầu buộc Công ty nhận ông Q trở lại làm việc; đồng thời, rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty thanh toán tiền lương của thời gian rút ngắn mỗi ngày 01 giờ (do ông Q là người cao tuổi) từ năm 2013 đến năm 2017 và tiền phụ cấp lương Công đoàn đến hết nhiệm kỳ tháng 9 năm 2022 với tổng số tiền 97.241.130 đồng nên Tòa án cấp sơ đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu đã rút là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét lại.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Q đối với các yêu cầu khởi kiện còn lại, nhận thấy: Theo Giấy chứng minh nhân dân số 370035806 do Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 06/10/2014 thì ông Bành Thiện Q sinh ngày 15/02/1953, đến ngày 15/02/2018 là ông Q tròn 65 tuổi. Do đó, ngày 31/01/2018 Công ty ban hành Quyết định số 01/2018/QĐ-HSL về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông Q kể từ ngày 15/3/2018 vì lý do hết tuổi lao động là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 187 của Bộ luật Lao động. Tuy nhiên, do hợp đồng lao động giữa ông Q với Công ty là hợp đồng không xác định thời hạn, việc Công ty chỉ thực hiện báo trước cho ông Q 43 ngày (do tháng 02 năm 2018 chỉ có 28 ngày) là vi phạm thời gian báo trước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Lao động nên có căn cứ xác định Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với ông Q. Do đó, việc ông Q khởi kiện yêu cầu Công ty phải bồi thường tiền lương trong những ngày không báo

trước là 02 ngày x 6.532.500 đồng/26 ngày, thành tiền 502.500 đồng; cộng với 02 tháng lương theo hợp đồng lao động với số tiền 13.065.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 42 của Bộ luật Lao động.

[5] Ngoài ra, theo Điều 2 của Hợp đồng lao động ngày 04/5/2015 (bút lục 12) thì thời gian làm việc của ông Q là 08 giờ/ngày. Do ông Q là người lao động cao tuổi nên thời gian làm việc trong năm cuối cùng của ông Q được rút ngắn mỗi ngày ít nhất 01 giờ theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật Lao động và khoản 10 Điều 3 Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ *"quy định chi tiết một số điều của bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động"* nên ông Q khởi kiện yêu cầu Công ty phải thanh toán tiền lương rút ngắn mỗi ngày 01 giờ làm việc là có căn cứ. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 15/7/2019, ông Q chỉ yêu cầu Công ty thanh toán tiền lương rút ngắn giờ làm việc của tháng 01, tháng 02 năm 2018 là 1.633.125 đồng và nửa tháng 03 năm 2018 là 408.281 đồng, tổng cộng số tiền 2.041.406 đồng là hoàn toàn tự nguyện (bút lục 96).

[6] Xét thấy tại phiên tòa sơ thẩm ngày 15/7/2019, người đại diện hợp pháp của Công ty tự nguyện đồng ý thanh toán cho ông Q 02 ngày lương do vi phạm thời gian báo trước với số tiền 502.500 đồng như đã nêu tại mục [4] và đồng ý thanh toán cho ông Q tiền lương rút ngắn giờ làm việc của tháng 01, tháng 02 và nửa tháng 03 năm 2018 với tổng số tiền 2.041.406 đồng như đã nêu tại mục [5] (bút lục 95). Tại phần nội dung của bản án sơ thẩm cũng xác định vấn đề này, nhưng khi tuyên án Tòa án cấp sơ thẩm chỉ ghi nhận sự thỏa thuận đối với số tiền lương rút ngắn giờ làm việc của nửa tháng 03 năm 2018 là 408.281 đồng; không ghi nhận sự thỏa thuận đối với số tiền 02 ngày lương do vi phạm thời gian báo trước là 502.500 đồng và tiền lương rút ngắn giờ làm việc của tháng 01, tháng 02 năm 2018 là 1.633.125 đồng là có thiếu sót, chưa phù hợp với ý chí tự nguyện của các đương sự. Do vậy, Hội đồng xét xử cần sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên cho phù hợp với quy định tại Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Đối với yêu cầu của ông Q về việc buộc Công ty phải trả tiền lương những ngày ông Q không được làm việc, tạm tính từ ngày 15/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 15/7/2019 là 16 tháng do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo mức lương 6.532.500 đồng/tháng, thành tiền là 104.520.000 đồng; đồng thời, trả tiền lương tương ứng với mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong thời gian trên là 6.532.500 đồng/tháng x 20,5% x 16 tháng, thành tiền là 21.426.600 đồng, nhận thấy: Theo khoản 1 Điều 187 của Bộ luật Lao động quy định *"Người lao động bảo đảm điều kiện về thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội được hưởng lương hưu khi nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi"* và khoản 3 Điều 187 của Bộ luật Lao động quy định *"Người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, người lao động làm công tác quản lý và một số trường hợp đặc biệt khác có thể nghỉ hưu ở tuổi cao hơn nhưng không quá 05 năm so với quy định tại khoản 1 Điều này"*. Như đã nhận định tại mục [4] thì đến ngày 15/02/2018, ông Q đã hết tuổi lao động nên việc ông Q khởi kiện yêu cầu Công ty phải trả tiền lương những ngày không được làm việc, tính từ ngày 15/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 15/7/2019 là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu này của ông Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Từ những phân tích và lập luận nêu trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Bành Thiện Q; sửa một phần bản án sơ thẩm về phần buộc Công ty trả cho ông Q ít nhất 02 tháng lương theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Lao động và phần cách tuyên cho phù hợp với ý chí tự nguyện

của các bên đương sự. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận một phần.

[9] Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty phải chịu theo quy định của pháp luật. Về án phí lao động phúc thẩm: Ông Bành Thiện Q được miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Bành Thiện Q.

2. Sửa một phần Bản án lao động sơ thẩm số 02/2019/LĐ-ST ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã TA, tỉnh Bình Dương như sau:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 246, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 38, khoản 5 Điều 42, Điều 166, Điều 187, khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Lao động; khoản 10 Điều 3 Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ *"quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động"*; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *"quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án"*;

2. 1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bành Thiện Q đối với bị đơn Công ty TNHH Vina HL về việc yêu cầu Công ty nhận trở lại làm việc, yêu cầu Công ty thanh toán tiền lương thời gian rút ngắn mỗi ngày 01 giờ do ông Bành Thiện Q là người cao tuổi, tính từ năm 2013 đến năm 2017 và trả tiền phụ cấp lương Công đoàn đến hết nhiệm kỳ tháng 9 năm 2022.

2. 2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH Vina HL về việc đồng ý bồi thường cho ông Bành Thiện Q số tiền do vi phạm thời gian báo trước 02 ngày là 502.500 đồng; đồng ý thanh toán cho ông Bành Thiện Q tiền lương rút ngắn thời gian làm việc mỗi ngày 01 giờ do ông Q là người lao động cao tuổi của tháng 01, tháng 02 năm 2018 là 1.633.125 đồng và của nửa tháng 3 năm 2018 là 408.281 đồng. Tổng cộng số tiền là: 2.543.906 đồng.

2. 3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bành Thiện Q về việc buộc bị đơn Công ty TNHH Vina HL phải thanh toán cho ông Bành Thiện Q 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 13.065.000 đồng.

Tổng cộng Công ty TNHH Vina HL phải thanh toán cho ông Bành Thiện Q số tiền: 15.608.906 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm lẻ tám nghìn chín trăm lẻ sáu đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án, thì hàng tháng còn chịu tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. 4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bành Thiện Q về việc buộc bị đơn Công ty TNHH Vina HL phải trả tiền lương những ngày ông Q không được làm việc, tính từ ngày 15/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 15/7/2019; trả tiền tương ứng với mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong thời gian ông Q không được làm việc.

2. 5. Án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH Vina HL phải nộp 468.267 đồng (bốn trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng). Nguyên đơn ông Bành Thiện Q được miễn theo quy định của pháp luật.

3. Án phí lao động phúc thẩm: Ông Bành Thiện Q được miễn theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã TA;
- Chi cục THADS Tx. TA;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa LĐ, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đắc Cường